

# **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

## **BÁO CÁO TÓM TẮT**

**Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch năm học 2019 - 2020 và giai đoạn 2016 - 2020; phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm học 2020 - 2021 và các năm tiếp theo**  
*(Tài liệu phục vụ Hội nghị trực tuyến toàn ngành Giáo dục năm 2020)*

### **1. Thực hiện tốt mục tiêu kép đảm bảo an toàn phòng, chống dịch Covid-19 và hoàn thành kế hoạch năm học 2019 - 2020**

Trước diễn biến phức tạp, khó lường của dịch Covid-19, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống dịch Covid-19, Bộ GDĐT đã chủ động phối hợp với Bộ Y tế kịp thời ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện nhiệm vụ năm học 2019 - 2020 và phòng, chống dịch với phương châm “sức khỏe, an toàn của học sinh, sinh viên, giáo viên là trên hết” và “tạm dừng đến trường, không dừng học”.

Bộ GDĐT đã điều chỉnh khung kế hoạch thời gian năm học; hướng dẫn tinh giản nội dung dạy học chương trình học kỳ 2 năm học 2019 - 2020 đảm bảo những nội dung cốt lõi, nền tảng; hướng dẫn các địa phương, cơ sở giáo dục dạy học qua internet và trên truyền hình; hướng dẫn các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng sư phạm thực hiện việc dạy học trực tuyến, đào tạo từ xa trong thời gian học sinh, sinh viên nghỉ học ở trường để phòng, chống dịch Covid-19.

Theo thống kê, trong hơn 4 tháng triển khai dạy học từ xa, có gần 50% trường đại học tổ chức dạy học trực tuyến; tỷ lệ học sinh phổ thông được học qua internet đạt tỷ lệ 79,7%. Ở những vùng khó khăn, nhiều thầy cô tổ chức xây dựng video clip các bài giảng gửi lên Youtube, Zalo, Facebook và các ứng dụng khác nhằm tạo cơ hội học tập cho học sinh. Bên cạnh đó, ở trường vùng sâu, vùng xa, các thầy cô đã khắc phục khó khăn bằng cách soạn bài, photo và đến từng nhà gửi bài tập cho học sinh.

Ngày 29/9/2020, Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) đã công bố báo cáo PISA. Theo số liệu của báo cáo này, việc học trực tuyến phòng, chống Covid-19 của Việt Nam có nhiều điểm khả quan so với các quốc gia và vùng lãnh thổ khác. Cụ thể, Việt Nam có 79,7% học sinh được học trực tuyến. Tỷ lệ này cao hơn mức trung bình chung của các nước OECD (67,5%) và chỉ thấp hơn 16 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Đến thời điểm này, sau 02 đợt dịch Covid-19 bùng phát tại Việt Nam, gần 1,5 triệu giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục các cấp và gần 24 triệu học sinh, sinh viên cả nước đều an toàn trước dịch bệnh. Sự an toàn của học sinh, sinh viên và giáo viên được đảm bảo nhưng không vì thế các hoạt động giáo dục bị ngưng trệ, không bị “đứt gãy” giáo dục như một số nước đã gặp phải có thể ảnh hưởng tới một thế hệ học sinh, trái lại, “trong nguy có cơ”, các phương pháp, hình thức giáo dục mới được các thầy cô, các nhà trường sáng tạo, linh hoạt, nhất là trong dạy học trực tuyến, góp phần hoàn thành kế hoạch cả năm học và tạo tiền đề thúc đẩy chuyển đổi số mạnh mẽ trong ngành Giáo dục. Điều này

không chỉ thể hiện sự nỗ lực mà còn cho thấy sức “chịu đựng” của ngành Giáo dục trước những biến động lớn, mang tính toàn cầu.

Bộ GD&ĐT chuẩn bị ban hành quy chế quản lý dạy học trực tuyến ở bậc phổ thông, tạo hành lang pháp lý để hình thức dạy học trực tuyến được công nhận như một phương thức hỗ trợ cho dạy học trực tiếp và được công nhận kết quả.

## **2. Thực hiện tốt mục tiêu kép tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020 vừa đảm bảo an toàn phòng, chống dịch Covid-19 vừa đảm bảo sự nghiêm túc, khách quan, công bằng của Kỳ thi**

Năm 2020, trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, thực hiện Luật Giáo dục năm 2019 (có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2020), Bộ GD&ĐT đã báo cáo và được Thủ tướng Chính phủ đồng ý tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020 thay cho kỳ thi THPT quốc gia.

Được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam, sự phối hợp có hiệu quả của các ban, bộ, ngành Trung ương, đặc biệt là sự vào cuộc tích cực, quyết liệt, trách nhiệm của các địa phương, Kỳ thi đã được tổ chức rất thành công, đáp ứng được mục tiêu kép: vừa đảm bảo an toàn phòng, chống dịch, vừa đáp ứng yêu cầu tổ chức kỳ thi gọn nhẹ, hiệu quả, khách quan, công bằng.

Nội dung đề thi bám sát chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình cấp THPT, bảo đảm “vừa sức”, không đánh đố thí sinh, có độ phân hóa hợp lý, đáp ứng được mục đích xét tốt nghiệp THPT và xét tuyển đại học, cao đẳng.

Phổ điểm từng môn thi (theo đợt thi và địa phương) và phổ điểm các tổ hợp xét tuyển truyền thống được phân tích chi tiết và thông tin công khai. Năm nay, lần đầu tiên Bộ GD&ĐT thực hiện đối sánh kết quả thi với điểm học bạ, kết quả đối sánh được công bố ngay sau khi có kết quả thi đợt 1 cho thấy điểm thi và điểm học bạ của các địa phương cơ bản “tuyến tính” với nhau, nghĩa là kết quả thi cơ bản phản ánh đúng chất lượng giáo dục của các địa phương.

Thành công của Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020 đã được Lãnh đạo Đảng, Nhà nước và đông đảo các tầng lớp nhân dân ghi nhận, đánh giá cao, qua đó khẳng định thành quả của quá trình đổi mới tổ chức kỳ thi cũng như những nỗ lực, cố gắng của ngành Giáo dục trong suốt thời gian qua.

*Về phương án tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT, tuyển sinh đại học, cao đẳng từ phạm giai đoạn 2021 - 2025:* Nhìn lại 6 năm đổi mới kỳ thi THPT (2015 - 2020) cho thấy, việc đổi mới kỳ thi THPT quốc gia và tốt nghiệp THPT đã khắc phục rõ rệt tình trạng học tủ, học lệch, luyện thi tràn lan diễn ra trong nhiều năm, thực hiện đúng phương châm “học gì thi nấy”, yêu cầu học sinh phải học toàn diện. Đồng thời, công tác tổ chức thi gọn nhẹ hơn, thí sinh không phải lên các thành phố lớn dự thi nhiều đợt, thay vào đó chỉ phải dự thi một lần, ngay tại địa phương, giúp giảm áp lực, giảm tốn kém cho gia đình, học sinh và xã hội. Bên cạnh đó, việc tổ chức bài thi trắc nghiệm và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong chấm thi đã làm giảm đáng kể sự can thiệp của con người vào kết quả thi, tạo sự minh bạch, công bằng, giúp các trường đại học, cao đẳng yên tâm khi sử dụng kết quả thi để tuyển sinh.

Từ kết quả của giai đoạn 2015-2020, định hướng kỳ thi tốt nghiệp THPT giai đoạn 2021-2025 được xác định cơ bản sẽ giữ ổn định như năm 2020, tập trung nghiên cứu ứng dụng công nghệ và chú trọng xây dựng, phát triển ngân hàng câu hỏi thi đảm bảo chất lượng, phong phú, phù hợp với lộ trình đổi mới giáo dục phổ thông.

### **3. Công tác tuyển sinh đại học, cao đẳng sư phạm năm 2020**

Công tác tuyển sinh đại học, cao đẳng sư phạm những năm gần đây đã nền nếp, chất lượng hơn, giảm nhiều áp lực, tốn kém cho thí sinh và các trường so với trước đây. Các trường đại học, cao đẳng sư phạm đã phát huy tốt tinh thần tự chủ, mở rộng các phương thức tuyển sinh ngoài phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT, như xét học bạ, xét tuyển thẳng, thi đánh giá năng lực... qua đó góp phần nâng cao chất lượng đầu vào của các trường. Đồng thời, việc cho phép thí sinh đăng ký nhiều nguyện vọng, được sự hỗ trợ của công nghệ “lọc ảo”, là việc làm nhân văn giúp thí sinh giảm nỗi lo điểm cao vẫn trượt đại học như trước đây. Bên cạnh đó, các trường đã chủ động, linh hoạt thay đổi phương án tuyển sinh để phù hợp với tình hình dịch Covid-19, thể hiện trách nhiệm xã hội, đặt quyền lợi của thí sinh lên trên hết.

Năm nay, cả nước có 528.038 chỉ tiêu tuyển sinh, tăng 7,84% so với năm 2019. Số thí sinh đăng ký xét tuyển là 642.945, giảm 1,46% so với năm 2019. Tổng số nguyện vọng đăng ký xét tuyển là 2.494.210, giảm 3,14% so với năm 2019. Cập nhật đến hết ngày 27/9, có tổng số 275.530 thí sinh điều chỉnh nguyện vọng, tỷ lệ điều chỉnh đạt 42,49%.

Bộ GDĐT tiếp tục xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với một số ngành đào tạo đặc thù. Ở nhóm ngành đào tạo giáo viên, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào từ 16,5- 18,5 điểm (tăng 0,5 điểm so với năm 2019). Ở nhóm ngành đào tạo sức khỏe có cấp chứng chỉ hành nghề, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào từ 19-22 điểm (tăng 1 điểm so với năm 2019). Việc quy định “điểm sàn” đối với 02 nhóm ngành này là để kiểm soát chất lượng đầu vào, qua đó nâng cao chất lượng nguồn nhân lực sư phạm và y tế. Đến thời điểm này, công tác tuyển sinh ĐH, CĐ sư phạm cơ bản ổn định, chất lượng được đảm bảo.

Phương thức tuyển sinh đại học, cao đẳng sư phạm giai đoạn 2021 - 2025 cơ bản giữ ổn định như năm nay, trong đó tăng cường tính tự chủ, tự trách nhiệm của các cơ sở giáo dục đại học; từng bước tiếp cận xu hướng tuyển sinh của các nước có nền giáo dục tiên tiến trên thế giới. Đồng thời, tăng cường ứng dụng các giải pháp công nghệ thông tin, chủ động tiếp cận những thành tựu khoa học công nghệ trong giáo dục (đặc biệt là về đo lường, đánh giá).

### **4. Triển khai Nghị quyết 88/2014/QH13 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông**

*Về xây dựng chương trình:* Chương trình giáo dục phổ thông được xây dựng một cách bài bản, theo một quy trình chặt chẽ, từ chương trình tổng thể đến các chương trình môn học, hoạt động giáo dục ở các cấp học, lớp học. Chương trình mới được xây dựng theo hướng tiếp cận phát triển phẩm chất, năng lực học sinh đã khắc phục được những hạn chế của chương trình tiếp cận

nội dung như hiện hành (nội dung giáo dục thiết thực hơn, giảm tính hàn lâm, tăng tính thực tế; học sinh không phải ghi nhớ máy móc, khắc phục tình trạng thầy đọc trò chép; phát huy sự chủ động, sáng tạo của học sinh...).

*Về biên soạn, thẩm định sách giáo khoa:* Bộ GDĐT đã ban hành hệ thống văn bản để tổ chức biên soạn SGK như quy định về tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa SGK; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn SGK; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định SGK, thúc đẩy xã hội hóa biên soạn SGK.

Bộ GDĐT đã thẩm định, phê duyệt 05 bộ SGK lớp 1 để các địa phương, cơ sở giáo dục lựa chọn, đưa vào giảng dạy. Lần đầu tiên Việt Nam có nhiều bộ SGK khác nhau theo cùng 1 khung chương trình giáo dục phổ thông thống nhất. Tất cả các đầu SGK được phê duyệt đều được các trường lựa chọn. Điều này đánh dấu thành công bước đầu của chủ trương xã hội hóa biên soạn SGK, phá tan sự độc quyền trong công tác xuất bản, phát hành SGK như trước đây. Hiện nay, Bộ GDĐT đang tiến hành thẩm định SGK lớp 2, lớp 6 để phê duyệt đưa vào sử dụng từ năm học 2021-2022.

*Về chuẩn bị đội ngũ giáo viên:* Việc bồi dưỡng giáo viên được thực hiện theo hướng chuẩn hóa, từ nội dung chương trình đến cách thức triển khai, để chuẩn hóa đội ngũ giáo viên thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới. Lần đầu tiên giáo viên được bồi dưỡng theo các mô đun phù hợp với từng nhóm đối tượng, trong đó có 04 nhóm đối tượng chính: (1) Giảng viên sư phạm chủ chốt; (2) Giáo viên cốt cán và đại trà; (3) Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông; (4) Lãnh đạo sở, phòng GDĐT. Hình thức bồi dưỡng, tập huấn được đổi mới căn bản, kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp, trong đó tăng cường bồi dưỡng thường xuyên, liên tục cho giáo viên theo hình thức trực tuyến, ngay tại trường với sự hỗ trợ của đội ngũ giáo viên cốt cán và giảng viên sư phạm chủ chốt. Đến nay, đã hoàn thành bồi dưỡng cho gần 45.000 cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn và giáo viên cốt cán. Các địa phương đã chức tập huấn đại trà cho 100% giáo viên dạy lớp 1, cán bộ quản lý và tổ trưởng chuyên môn các trường tiểu học.

Bộ GDĐT cũng đã đề nghị các tỉnh, thành phố tiếp tục thực hiện việc tuyển dụng, bố trí, sắp xếp đội ngũ theo hướng ưu tiên sử dụng biên chế để tuyển dụng giáo viên cho những môn học mới ở các cấp học; linh hoạt bố trí, sắp xếp đội ngũ giáo viên hiện có, trong trường hợp chưa thể bố trí đủ giáo viên theo định mức thì cần có các giải pháp tạm thời, phù hợp với đặc điểm từng trường, từng vùng miền để đảm bảo “có học sinh thì phải có giáo viên đứng lớp”.

Lần đầu tiên Bộ GDĐT xây dựng được cơ sở dữ liệu về đội ngũ toàn ngành, qua đó xác định đúng thực trạng thừa, thiếu giáo viên theo môn học, cấp học của từng địa phương; đồng thời đề nghị các địa phương rà soát nhu cầu giáo viên theo từng môn học, cấp học theo lộ trình triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới, trên cơ sở đó đặt hàng các trường sư phạm đào tạo giáo viên cho địa phương để khắc phục triệt để tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ như trước đây.

*Về chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học:* Bộ GDĐT đã hướng dẫn các địa phương quy hoạch lại mạng lưới trường, lớp học cho phù hợp hơn, qua đó nâng cao hiệu quả đầu tư, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Bộ GDĐT đã yêu cầu các địa phương đánh giá tình hình và rà soát thực trạng, nhu cầu đầu

tư cơ sở vật chất; phối hợp với các bộ, ngành liên quan để tham mưu Chính phủ cân đối, bố trí các nguồn vốn hỗ trợ các địa phương có điều kiện khó khăn. Đến nay, cả nước có khoảng 440.118 phòng học các cấp tiểu học, THCS và THPT (tăng 20.215 phòng so với năm 2016), trong đó tỷ lệ phòng học kiên cố là 79,5% (tăng 26.339 phòng so với năm 2016). Tỷ lệ phòng học/lớp ở cấp tiểu học là 0,98 (năm 2016 là 0,89), cấp THCS là 0,89 (năm 2016 là 0,86), cấp THPT là 0,93 (năm 2016 là 0,90). Tỷ lệ phòng học bộ môn cấp THCS là 4,33 phòng/trường (năm 2016 là 2,88), cấp THPT là 5,56 phòng/trường (năm 2016 là 5,00).

Hầu hết các địa phương có đề án cụ thể về chuẩn bị cơ sở vật chất phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông mới và cơ bản đáp ứng yêu cầu đối với lớp 1 năm học 2020-2021. Tính đến nay, bình quân cả nước đạt 0,98 phòng học/lớp, đa số các trường đủ điều kiện thực hiện được phương án tổ chức dạy học từ 30 tiết trở lên. Đây là mức tối ưu của chương trình. Các tỉnh chưa đủ tỉ lệ 1 phòng học/lớp đều có giải pháp, lộ trình tăng cường đầu tư xây dựng, mở rộng trường lớp, thực hiện quy hoạch, dồn ghép điểm trường theo hướng ưu tiên cho lớp 1.

## **5. Tiếp cận, phổ cập giáo dục các cấp học**

*Công tác phổ cập giáo dục mầm non được quan tâm.* Cả nước đã hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi (năm 2015 mới chỉ có 32/63 tỉnh, thành phố). Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo 5 tuổi đạt 99,98% (năm 2015 mới chỉ đạt 85,8%). Trẻ em mẫu giáo ở các vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo, trẻ không có nguồn nuôi dưỡng, trẻ thuộc hộ nghèo, cận nghèo được Nhà nước hỗ trợ tiền ăn trưa; trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ khuyết tật được quan tâm phát hiện sớm, can thiệp sớm, học hòa nhập góp phần nâng cao tỷ lệ huy động trẻ em đến trường.

*Duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục tiểu học, trung học cơ sở.* Kết quả và chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học được giữ vững và nâng cao. 63/63 tỉnh, thành phố đã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2, trong đó có 18/63 tỉnh, thành phố đạt mức độ 3 (năm 2016 mới có 12/63 tỉnh, thành phố). Hiện nay có 63/63 tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 1, 19/63 tỉnh, thành phố đạt mức độ 2, mức độ 3. Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở tiểu học là 99,35%; ở trung học cơ sở là 92,27%. Nhiều địa phương đã đạt tỷ lệ 100% học sinh học 2 buổi/ngày, tạo tiền đề thuận lợi để chuẩn bị cho việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông mới.

*Công tác giáo dục học sinh khuyết tật được quan tâm đúng mức.* Tỷ lệ trẻ em khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận với giáo dục và tham gia học tập ở cấp tiểu học và trung học cơ sở tăng, chủ yếu học hòa nhập tại các trường tiểu học và trung học cơ sở. Bộ GDĐT đã chuẩn bị các điều kiện thành lập và đưa vào hoạt động Trung tâm Giáo dục đặc biệt quốc gia; thúc đẩy thành lập và nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, phòng hỗ trợ giáo dục hòa nhập trong các cơ sở giáo dục tại các địa phương; chỉ đạo nghiên cứu để quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt giai đoạn 2021-2030.

*Công tác xóa mù chữ, chống tái mù chữ được thực hiện hiệu quả, nhất là những khu vực đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa.* Kết quả xóa mù chữ được củng cố bền vững. Đến năm học 2019 - 2020, tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi từ 15 đến 60 là 97,64% (trong đó tỷ lệ biết chữ của người dân tộc thiểu số là 93,43), tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi từ 15 đến 35 là 98,89%. Hằng năm, có khoảng 18 đến 20 triệu lượt người tham gia các lớp chuyên đề bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng trong các trung tâm học tập cộng đồng nhằm duy trì, củng cố kết quả xóa mù chữ.

*Chất lượng giáo dục dân tộc được nâng lên.* Hầu hết các địa phương đã chú trọng việc chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1. Một số địa phương đã tự biên soạn tài liệu chuẩn bị và tăng cường tiếng Việt phù hợp với điều kiện của địa phương. Tỷ lệ huy động học sinh dân tộc thiểu số trong độ tuổi ra lớp tăng. Chất lượng giáo dục toàn diện của các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú có nhiều chuyển biến rõ rệt, góp phần tạo nguồn đào tạo sinh viên dân tộc thiểu số ở các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

## **6. Chất lượng giáo dục phổ thông và giáo dục đại học**

*Chất lượng giáo dục phổ thông đại trà tiếp tục được nâng lên.* Trong kỳ đánh giá PISA 2018 (công bố vào năm 2019), Việt Nam đạt 543 điểm Khoa học, điểm số cao thứ 4/79 quốc gia và vùng lãnh thổ tham gia, tăng 4 bậc so với năm 2015; đạt 505 điểm đọc hiểu, điểm số cao thứ 13/79 quốc gia và vùng lãnh thổ tham gia, tăng 19 bậc so với năm 2015. Kết quả đạt được của Việt Nam đã gây bất ngờ lớn cho cả thế giới, qua đó khẳng định chất lượng giáo dục phổ thông của Việt Nam sánh ngang với các nước có nền giáo dục tiên tiến.

Khảo sát Pasec 10 đánh giá kết quả học tập của học sinh lớp 2 và lớp 5 trong lĩnh vực Toán và Tiếng Việt cũng cho thấy những kết quả đáng ghi nhận đối với học sinh Việt Nam cả về sự tiến bộ của học sinh trong một năm học, kiến thức và kỹ năng, các yếu tố của chất lượng giáo dục tiểu học và các kết quả khác.

*Giáo dục phổ thông mũi nhọn tiếp tục giữ vững thành tích đáng tự hào trên đấu trường quốc tế.* Mặc dù xảy ra dịch Covid 19 trên quy mô toàn cầu nhưng học sinh Việt Nam vẫn nỗ lực tham gia các kỳ thi lớn của quốc tế và đạt được những kết quả rất đáng khích lệ. Trong đó, đội tuyển quốc gia môn Hóa học đạt thành tích xuất sắc nhất từ trước đến nay với 4/4 thí sinh đoạt Huy chương Vàng, xếp thứ 2 thế giới, sau đội tuyển quốc gia Hoa Kỳ. Đội tuyển Toán học có 6/6 học sinh dự thi đều đoạt giải, trong đó lần đầu tiên có một học sinh lớp 10 tham dự đội tuyển giành Huy chương Vàng và đứng thứ 4 thế giới.

Thống kê từ năm 2015 đến nay, học sinh Việt Nam đã đạt tổng số 212 huy chương, bằng khen tại các kỳ Olympic quốc tế và khu vực, trong đó có 66 Huy chương Vàng. Đặc biệt, kết quả qua từng năm đều có bước tiến bộ vượt bậc, nhiều học sinh Việt Nam đạt điểm số cao nhất ở các nội dung thi. Sự cải thiện đáng kể ở phần thi thực hành cũng là điểm sáng của học sinh Việt Nam tại các đấu trường quốc tế.

*Chất lượng giáo dục đại học được cải thiện rõ rệt.* Lần đầu tiên 03 cơ sở giáo dục đại học lọt vào bảng xếp hạng 1000 trường đại học tốt nhất thế giới; có 08 trường đại học được vào danh sách các đại học hàng đầu Châu Á (10 năm trước đây chúng ta chưa từng có trường nào đạt được). Mới đây nhất, Việt Nam có 02 đại học nằm trong top 101-150 Bảng xếp hạng thế giới các trường đại học trẻ tuổi có chất lượng giáo dục hàng đầu trên thế giới của Tổ chức xếp hạng đại học QS. Bên cạnh đó, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội lần đầu tiên xuất hiện trong top 200 của bảng xếp hạng các trường đại học trong “độ tuổi vàng” và cũng là đại diện duy nhất đến từ Việt Nam.

Số lượng các công trình công bố quốc tế của các trường đại học Việt Nam liên tục tăng, tăng hơn 10 lần so với năm 2013. Năm 2020, lần đầu tiên một tạp chí khoa học của Việt Nam được lọt vào danh sách 25% tạp chí khoa học uy tín nhất thế giới. Nhiều công trình, sản phẩm nghiên cứu khoa học được chuyển giao công nghệ, ứng dụng hiệu quả trong thực tiễn.

## **7. Kết quả bước đầu thực hiện tự chủ đại học**

Cùng với xu thế hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, các cơ sở giáo dục đại học nhận thức rõ tầm quan trọng của việc thúc đẩy và mở rộng tự chủ đại học; xác định tự chủ đại học là điều kiện cần thiết để thực hiện các phương thức quản trị đại học tiên tiến nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng các mặt hoạt động. Nếu như trước đây, tự chủ đại học còn rất mới mẻ tại Việt Nam, thì từ năm 2014 đã có 23 cơ sở giáo dục đại học được thí điểm thực hiện tự chủ theo Nghị quyết 77 của Chính phủ. Kết quả thực hiện thí điểm tự chủ đại học đã tạo ra diện mạo mới cho giáo dục đại học nước ta, cụ thể:

*Về thực hiện nhiệm vụ đào tạo:* Các trường tự chủ đã nhanh chóng thích ứng, thay đổi định hướng đào tạo ở các hệ khác nhau; quy mô đào tạo chính quy đại trà có chiều hướng giảm trong khi quy mô đào tạo chương trình tiên tiến, chất lượng cao tăng nhanh; nhiều cơ sở giáo dục đại học đã chủ động dừng và loại bỏ các ngành đào tạo không phù hợp, đồng thời mở thêm nhiều ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu người học và thị trường lao động. Số lượng mở ngành đào tạo tăng từng năm, từ năm 2016 đến giữa năm 2020 đã mở thêm 1.733 ngành. Các trường cũng chủ động đổi mới nội dung chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy; tăng cường công tác đảm bảo chất lượng; thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục theo hướng tiếp cận với khu vực và quốc tế.

*Về nghiên cứu khoa học:* Các cơ sở giáo dục đại học chủ động hơn trong việc quyết định hướng nghiên cứu và tham gia các nhiệm vụ khoa học công nghệ, đặc biệt là chủ động trong việc phối hợp với doanh nghiệp để triển khai các đề tài, nhiệm vụ khoa học. Số lượng bằng sáng chế, đề tài các cấp gia tăng đáng kể so với thời điểm trước khi tự chủ; số lượng các công trình khoa học được công bố tăng mạnh, từ 574 công trình năm 2013 lên 60.827 công trình năm 2020.

*Về tổ chức, nhân sự:* Các cơ sở giáo dục đã chủ động thành lập Hội đồng trường, tiến hành rà soát, kiện toàn lại tổ chức bộ máy và nhân sự theo hướng hiệu quả hơn (thành lập, sáp nhập, giải thể, đổi tên đơn vị), thu hút đội ngũ giảng viên, chuyên gia giỏi, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Các cơ sở giáo dục đã có sự điều chỉnh cơ cấu nhân lực theo hướng gia tăng lực lượng

giảng viên giảng dạy trực tiếp, giảm đội ngũ lao động gián tiếp. Số lượng cán bộ/giảng viên có học hàm giáo sư, phó giáo sư và học vị từ thạc sĩ trở lên tại các trường đã tự chủ tăng lên đáng kể.

*Về tài chính:* Nhìn chung các trường tự chủ đã đảm bảo được toàn bộ chi hoạt động thường xuyên, thực hiện trách nhiệm xã hội đối với người học, miễn giảm học phí cho các đối tượng chính sách. Các trường đã trích lập quỹ đầu tư phát triển sự nghiệp, quỹ khen thưởng, phúc lợi, ổn định thu nhập. Thu nhập của người lao động đã tăng lên rõ rệt so với thu nhập bình quân giai đoạn trước. Đồng thời đã tạo điều kiện cho các trường chủ động trong công tác xây dựng kế hoạch tài chính và dự toán ngân sách ngắn hạn, trung hạn, dài hạn.

Từ thành công trong thí điểm thực hiện tự chủ đại học, Bộ GDĐT đã tổ chức tổng kết, thể chế hóa thông qua việc trình Chính phủ, Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật GDĐH và Nghị định 99/2019/NĐ-CP hướng dẫn triển khai một số điều của Luật để đẩy mạnh tự chủ đại học trong thời gian tới.

### **8. Giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên**

Thực tế hiện nay cho thấy, đa số học sinh, sinh viên có phẩm chất đạo đức tốt, lễ phép, kính trọng ông bà, cha mẹ, thầy cô giáo, sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận học sinh, sinh viên có những biểu hiện sa sút về đạo đức, lối sống, thiếu ý thức, lười lao động, thích hưởng thụ. Tình trạng này có nhiều nguyên nhân, xuất phát từ cả bên trong và bên ngoài nhà trường. Với trách nhiệm của mình, trước hết, Bộ GDĐT chỉ đạo đưa nội dung giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống vào giảng dạy xuyên suốt từ cấp tiểu học đến cấp trung học phổ thông và được quán triệt thực hiện trong các chương trình môn học, các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

Trong Chương trình giáo dục phổ thông mới, nội dung giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống tiếp tục được chú trọng, thực hiện thông qua tất cả các môn học, hoạt động giáo dục. Môn Đạo đức ở bậc tiểu học, Giáo dục công dân ở bậc trung học đã được tăng cường cả nội dung và thời lượng. Ngoài ra, nội dung giáo dục đạo đức còn được lồng ghép, tích hợp trong các chương trình môn học và hoạt động giáo dục như giáo dục tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; phòng, chống tham nhũng, giáo dục an toàn giao thông, giáo dục các vấn đề về giới, bình đẳng giới, giáo dục bảo vệ môi trường; thông qua các hoạt động, lao động sản xuất, hoạt động tập thể, hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao và các hoạt động vui chơi giải trí.

Bộ GDĐT đã chỉ đạo xây dựng và đưa vào sử dụng trong nhà trường nhiều bộ tài liệu về giáo dục kỹ năng sống; tổ chức nhiều lớp tập huấn về hoạt động giáo dục kỹ năng sống bằng nhiều hình thức cho giáo viên và học sinh để tuyên truyền, phổ biến nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục kỹ năng sống trong nhà trường. Bên cạnh đó, Bộ GDĐT đã chỉ đạo các địa phương đẩy mạnh giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống thông qua các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, giúp học sinh có cơ hội tìm hiểu về lịch sử, văn hóa và những truyền thống tốt đẹp của quê hương, qua đó giáo dục tình yêu quê hương, đất nước, yêu lao động và có ý thức vươn lên trong cuộc sống.



## 9. Giải quyết một số vấn đề đầu năm học 2020 - 2021

*Về thiếu cục bộ SGK và “ép” mua tài liệu tham khảo:* Chuẩn bị cho năm học 2020-2021, Bộ GDĐT đã chỉ đạo Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam chuẩn bị và phát hành đầy đủ SGK đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh. Tuyệt đại đa số học sinh đã có đủ SGK trước khi bước vào năm học mới. Chỉ xảy ra tình trạng thiếu cục bộ đối với SGK lớp 6 ở 1 số nơi trong tuần đầu năm học mới. Nguyên nhân của tình trạng này là do sang năm sẽ triển khai chương trình, SGK mới đối với lớp 2 và lớp 6, vì vậy, một số đại lý phát hành sách đã thận trọng trong việc nhập SGK lớp 6 để tránh bị tồn kho không bán được. Ngay khi nhận được phản ánh về tình trạng này, Bộ GDĐT đã chỉ đạo Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam bổ sung SGK cho những địa phương bị thiếu cục bộ, khắc phục kịp thời, không để ảnh hưởng đến việc học tập của học sinh.

Đối với sách tham khảo, Bộ GDĐT đã có quy định tuyệt đối không được ép buộc học sinh phải mua tài liệu tham khảo; phụ huynh, học sinh tự mua sắm theo nhu cầu thực tế và không bắt buộc; xử lý nghiêm các trường hợp giáo viên “ép” học sinh mua sách tham khảo. Thời gian tới, Bộ GDĐT sẽ tiếp tục chỉ đạo đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng từng bước độc lập với dạy học để hạn chế việc giáo viên sử dụng sách tham khảo đưa vào đề kiểm tra. Đồng thời, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm đối với các vi phạm trong việc sử dụng SGK, sách tham khảo.

*Về công tác đảm bảo an toàn trường học:* Thời gian qua, Bộ GDĐT đã tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành và ban hành theo thẩm quyền đầy đủ, kịp thời hệ thống văn bản pháp luật về đảm bảo an toàn trường học, phòng chống tội phạm, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện và phòng, chống bạo lực học đường. Bộ trưởng Bộ GDĐT đã ban hành Chỉ thị riêng về việc tăng cường các giải pháp đảm bảo an toàn trong các cơ sở giáo dục. Cùng với đó, công tác giáo dục, tuyên truyền trong nhà trường và ngoài xã hội bảo đảm môi trường giáo dục an toàn trường học được triển khai mạnh mẽ ở tất cả các cấp học, trình độ đào tạo đã tạo ra hiệu quả rõ rệt. Sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội được tăng cường, bước đầu phát huy hiệu quả.

Bộ GDĐT cũng đã chỉ đạo các địa phương tăng cường thanh tra, kiểm tra công tác bảo đảm an toàn thực phẩm trong các cơ sở giáo dục; kiểm tra, rà soát cơ sở vật chất trường học, đảm bảo an toàn cho học sinh. Kiên quyết không đưa vào sử dụng các công trình trường, lớp học đã hết niên hạn sử dụng, không đảm bảo an toàn theo quy định khi chưa được cải tạo, sửa chữa, nâng cấp.

*Chấn chỉnh lạm thu trong các cơ sở giáo dục.* Để không xảy ra tình trạng lạm thu tại các cơ sở giáo dục trong năm học 2020 - 2021, ngày 27/8/2020, Bộ GDĐT ban hành công văn chấn chỉnh thực hiện các khoản thu đầu năm học 2020 - 2021. Theo đó, về học phí, Bộ GDĐT đề nghị Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thống nhất quy định mức học phí cụ thể phù hợp với thực tế của các vùng trên địa bàn quản lý và ảnh hưởng của dịch Covid-19 trên địa bàn.

UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các sở, ban, ngành có liên quan phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định về niêm

yết, công khai thông tin về giá vật tư, thiết bị giáo dục, sách giáo khoa bảo đảm công khai, minh bạch theo đúng quy định của Luật giá và các văn bản có liên quan. Đặc biệt, cần tăng cường công tác chỉ đạo, thanh tra, kiểm tra các khoản thu, chi trong các cơ sở giáo dục. Xử lý nghiêm đối với người đứng đầu cơ sở giáo dục và trách nhiệm cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục trên địa bàn để xảy ra tình trạng lạm thu.

Bên cạnh đó, Bộ GDĐT đề nghị các địa phương thực hiện nghiêm túc quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân để bảo đảm chặt chẽ, minh bạch trong thực hiện xã hội hóa theo đúng quy định của pháp luật. Các khoản tài trợ, đóng góp tự nguyện phải bảo đảm đúng tính chất tự nguyện của cá nhân, tổ chức tài trợ, đóng góp. Tuyệt đối không để lợi dụng danh nghĩa xã hội hóa để tổ chức thu các khoản đóng góp mang tính cào bằng, áp đặt.

*Thống nhất tiếp thu, điều chỉnh nội dung chưa phù hợp trong sách giáo khoa môn Tiếng Việt lớp 1 của bộ sách Cánh Diều:* Trước phản ánh về việc sách giáo khoa (SGK) môn Tiếng Việt lớp 1 của bộ sách Cánh Diều (Sách do GS. Nguyễn Minh Thuyết chủ biên, Nhà xuất bản Đại học sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh phát hành) có một số nội dung chưa phù hợp, Bộ trưởng Bộ GDĐT đã yêu cầu Hội đồng quốc gia thẩm định SGK môn Tiếng Việt lớp 1 (Hội đồng thẩm định) rà soát, báo cáo trước ngày 17/10/2020 (Công văn số 4090/BGDĐT-GDTH ngày 09/10/2020).

Thực hiện yêu cầu của Bộ trưởng Bộ GDĐT, Hội đồng thẩm định đã tổ chức rà soát, làm việc với tác giả SGK môn Tiếng Việt lớp 1 của bộ sách Cánh Diều. Trên tinh thần cầu thị, trách nhiệm, Hội đồng thẩm định và tác giả đã thống nhất tiếp thu tối đa các ý kiến góp ý để chỉnh sửa SGK cho phù hợp hơn. Cụ thể, chỉnh sửa, bổ sung ngữ liệu để giáo viên có thể thay thế một số đoạn/bài đọc cho phù hợp hơn với học sinh lớp 1 như bài “Cua, cò và đàn cá” trang 115, bài “Hai con ngựa” trang 157, bài “Lừa, thỏ và cọp” trang 163,...; thay thế một số từ ngữ khó hiểu, ít dùng như từ “nhá”, “nom”, “quà... quà”, “chén”,... Hội đồng thẩm định cũng đề nghị tác giả khi chọn văn bản thay thế không sử dụng truyện ngụ ngôn hoặc các đoạn/bài “đa nghĩa”, nên lựa chọn đoạn/bài trong kho tàng Văn học Việt Nam. Bộ GDĐT yêu cầu nhà xuất bản và tác giả xây dựng phương án chỉnh sửa, hiệu đính, gửi Hội đồng thẩm định để thẩm định, báo cáo Bộ trưởng Bộ GDĐT xem xét phê duyệt nội dung chỉnh sửa trước ngày 15/11/2020.

Bộ GDĐT, Hội đồng thẩm định và Nhóm tác giả SGK môn Tiếng Việt lớp 1 của bộ sách Cánh Diều trân trọng cảm ơn các nhà khoa học, các bậc phụ huynh, giáo viên và nhân dân cả nước đã đóng góp nhiều ý kiến quý báu, chỉ ra những nội dung chưa phù hợp với yêu cầu giáo dục học sinh trong SGK môn Tiếng Việt lớp 1 của bộ sách Cánh Diều. Trong thời gian tới, Bộ Giáo dục và Đào tạo mong muốn tiếp tục nhận được các ý kiến góp ý để SGK ngày càng hoàn thiện, góp phần triển khai thực hiện thành công chương trình giáo dục phổ thông mới.

Thực hiện Nghị quyết 88/2014/QH13 của Quốc hội về đổi mới chương trình, SGK giáo dục phổ thông, Bộ GDĐT đã phê duyệt 05 bộ SGK (trong đó có

bộ sách Cánh Diều), với tổng số 46 quyền SGK lớp 1 của 9 môn học và hoạt động giáo dục để các địa phương, cơ sở giáo dục lựa chọn, đưa vào giảng dạy (SGK môn Tiếng Việt lớp 1 của bộ sách Cánh Diều là 1 trong số 46 quyền SGK lớp 1 được phê duyệt vừa qua). Các bộ SGK được phê duyệt theo đúng quy định, dựa trên kết quả thẩm định của Hội đồng quốc gia thẩm định SGK gồm các nhà khoa học, nhà giáo dục với 1/3 thành viên là nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy môn học này ở cấp học tương ứng. Tất cả các quyền SGK được Bộ GDĐT phê duyệt đều được các nhà trường tổ chức cho giáo viên, tổ bộ môn nghiên cứu đề xuất, thành lập hội đồng đánh giá và quyết định lựa chọn phù hợp với điều kiện triển khai thực hiện tại trường. Điều này cho thấy thành công bước đầu của chủ trương xã hội hóa biên soạn SGK, không còn sự độc quyền trong xuất bản, phát hành SGK như trước đây.

Đây là lần đầu tiên Việt Nam triển khai chương trình giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh, có nhiều bộ SGK khác nhau theo cùng một chương trình thống nhất, trong đó SGK có vai trò là tài liệu để các nhà trường, giáo viên nghiên cứu, xây dựng kế hoạch giảng dạy cho phù hợp. Đây cũng là lần đầu tiên Việt Nam tổ chức biên soạn, phát hành SGK theo hình thức xã hội hóa. Vì vậy, việc được nhận các ý kiến góp ý, thậm chí là phê bình sẽ giúp các tác giả, hội đồng thẩm định và Bộ Giáo dục và Đào tạo làm tốt hơn việc biên soạn, thẩm định và phê duyệt SGK các lớp học tiếp theo.

#### **10. Định hướng giai đoạn 2021 - 2025 và nhiệm vụ chủ yếu của năm học 2020 - 2021**

Định hướng chung giai đoạn 2021 - 2025: Tập trung thực hiện Kết luận 51 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trong đó, đối với giáo dục phổ thông, triển khai thành công chương trình, SGK giáo dục phổ thông mới theo Nghị quyết 88/2014/QH13 của Quốc hội; Đối với giáo dục đại học, đẩy mạnh thực hiện tự chủ đại học theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước.

Ngày 24/8/2020, Bộ trưởng Bộ trưởng Bộ GDĐT đã ban hành Chỉ thị toàn ngành Giáo dục tập trung thực hiện 09 nhóm nhiệm vụ chủ yếu và 05 giải pháp cơ bản trong năm học 2020 - 2021, trong đó ưu tiên các nhóm nhiệm vụ:

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực giáo dục, các văn bản quy định chi tiết Luật Giáo dục năm 2019; rà soát các văn bản hiện hành để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế nhằm bảo đảm phù hợp với các nội dung của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, Luật Giáo dục năm 2019.

- Rà soát chính sách và công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; tiếp tục rà soát chuẩn nghề nghiệp giáo viên của từng bậc học theo Luật Giáo dục năm 2019; rà soát công tác quản lý biên chế, tuyển dụng giáo viên; bảo đảm số lượng và chất lượng đội ngũ đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Ban hành Kế hoạch tổng thể triển khai thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở.

- Đẩy mạnh việc triển khai chương trình, SGK giáo dục phổ thông mới. Tiếp tục rà soát, bổ sung, bảo đảm đủ cơ sở vật chất và thiết bị dạy học. Thẩm định, phê duyệt SGK các môn học và hoạt động giáo dục lớp 2, lớp 6 và tài liệu giáo dục địa phương theo lộ trình. Xây dựng kế hoạch thực hiện việc bảo đảm SGK, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; hướng dẫn, kiểm tra công tác chuẩn bị triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới đối với lớp 2, lớp 6.

- Chỉ đạo xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học; nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và địa phương trong quản lý, giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên; tăng cường an ninh, an toàn trường học và các giải pháp phòng, chống bạo lực học đường.

- Thúc đẩy chuyển đổi số, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục và đào tạo, tập trung hoàn thiện chính sách phát triển, phương thức đào tạo trực tuyến, quản lý giáo dục trên môi trường mạng. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành; triển khai kết nối liên thông dữ liệu, tích hợp cơ sở dữ liệu ngành vào cơ sở dữ liệu quốc gia. Đẩy mạnh dạy học trực tuyến; phát triển kho học liệu số toàn ngành.

- Tiếp tục rà soát và bảo đảm các điều kiện thực hiện quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình, thực hiện kiện toàn Hội đồng trường theo thời hạn quy định. Tăng cường kiểm định chất lượng đối với cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục năm 2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục và thực hiện tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học.

- Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động. Đa dạng hóa phương thức đào tạo dựa trên mô hình giáo dục mở, khung trình độ quốc gia, gắn với thị trường lao động và đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Tiếp tục phát triển các cơ sở giáo dục đại học, chương trình đào tạo chất lượng cao, tiến tới đạt chuẩn khu vực và thế giới, để thu hút số sinh viên có nhu cầu và điều kiện du học ở nước ngoài về học tập trong nước.

- Rà soát các vấn đề giáo dục và đào tạo trong toàn ngành để chủ động chỉ đạo giải quyết, khắc phục dứt điểm những hạn chế, bất cập. Kiểm tra các điều kiện bảo đảm chất lượng của các cơ sở giáo dục đại học. Thực hiện thanh tra, kiểm tra công tác quản lý văn bằng, chứng chỉ tại các cơ sở giáo dục, đặc biệt là chứng chỉ ngoại ngữ và chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin; thanh tra, kiểm tra đột xuất khi phát hiện dấu hiệu vi phạm hoặc những vấn đề nóng mà dư luận xã hội quan tâm.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông đối với các hoạt động lớn của ngành và việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, tạo sự chuyển biến căn bản về nhận thức và hành động, sự đồng thuận của các tầng lớp nhân dân đối với sự nghiệp đổi mới giáo dục và đào tạo, đặc biệt là việc thực hiện chương trình, SGK mới.

-----